

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/7/2025.

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa ông: Nông Văn Tôn

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Dương Thị Lầu;

2/ Bà Nguyễn Thị Huế;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuấn, thư ký TAND khu vực 5, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2025/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc “Xin ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đối với:

* Nguyên đơn: Anh Phùng C U, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Nay là Xóm P, xã H, tỉnh Cao Bằng có mặt)

* Bị đơn: Chị Bàn Mùi P, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Nay là Xóm P, xã H, tỉnh Cao Bằng có mặt)

Người phiên dịch cho bị đơn: Bàn Mùi D, sinh năm: 1998

Địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Nay là Xóm P, xã H, tỉnh Cao Bằng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn Phùng Chàn U trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị P về chung sống cùng nhau từ năm 2002. Không có đăng ký kết hôn, chung sống cùng nhau tại nhà của bố mẹ tôi tại xã H, huyện B (sau khi tách xã, hiện nay là xã H, huyện B). Ban đầu cuộc sống chung hoà thuận, không có mâu thuẫn xảy ra. Đến năm 2015, vợ chồng tôi làm nhà ở riêng. Sau 3 năm làm nhà riêng, tôi đi làm thuê để trả nợ và lo cho cuộc sống gia đình. Đến năm 2019 quay về, vợ chồng cãi vã, thậm chí đánh nhau, tình cảm vợ chồng dần mất đi. Sau nhiều lần mâu thuẫn, tôi cũng không quay về nhà sinh sống. Hiện nay, vợ chồng tôi đã sống ly thân được vài năm. Vợ chồng tôi không còn tiếng nói chung, cũng không thể chung sống cùng nhau được nữa nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Phùng Mùi K, sinh ngày 03/12/2005 và Phùng Thị N, sinh ngày 19/02/2007. Sau khi ly hôn, mỗi người sẽ nuôi một con. Nếu vợ yêu cầu tự nuôi cả hai con thì tôi cũng đồng ý. Tuy nhiên các con đều đã đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung:

Vợ chồng tôi cùng nhau làm được căn nhà gỗ 7 gian, dựng vào năm 2016, chủ yếu làm bằng gỗ Dổi. Chi phí cho việc làm nhà hơn 100 triệu đồng, tôi không nhớ con số cụ thể vì không ghi chép lại. Năm 2022, tôi vừa sửa lại nhà hết hơn 70 triệu đồng. Giá trị hiện tại nếu bán sẽ khoảng 180 triệu đồng. Việc làm nhà do hai vợ chồng tôi tự làm, thuê và nhờ anh em, bố mẹ hai bên không giúp đỡ, không đóng

góp gì trong việc làm ngôi nhà này.

Ngoài ra, vợ chồng tôi còn có 06 thửa ruộng trồng được khoảng 7 túi lúa giống. 04 đám rẫy, trong đó: 1 phần trồng được khoảng 6 túi ngô giống, còn lại là trồng hoi.

Sau khi ly hôn, ngôi nhà và tài sản trong nhà nếu vợ nuôi hai con thì sẽ ở ngôi nhà đó, nhưng không được phép lấy chồng mới về ở đó. Nếu vợ muốn lấy chồng mới, ngôi nhà đó sẽ chia làm hai phần. Nếu vợ muốn ở ngôi nhà này, vợ phải thanh toán cho tôi $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà và tài sản trong ngôi nhà với số tiền 100 triệu đồng.

Chúng tôi có một khoản nợ chung là 50 triệu đồng, vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện B. Mục đích vay về để mua chiếc máy cày hết 15 triệu đồng, số tiền còn lại là để mua đồ dùng cá nhân. Thời điểm vay tôi không nhớ rõ, chỉ nhớ là khoảng 04 hoặc 05 năm nay. Sau khi ly hôn, hai vợ chồng có trách nhiệm mỗi người trả $\frac{1}{2}$ giá trị khoản vay.

Tuy nhiên, về phần tài sản chung và nợ chung, ngày 27/5/2025 chúng tôi đã tự thỏa thuận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn Bàn Mùi Pham trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi về chung sống với nhau từ năm 2002. C sống tại nhà bố mẹ của anh U tại xã H, huyện B. Khi đó chưa tách xã H với xã H. Lấy nhau được khoảng 3 đến 4 năm thì chúng tôi đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã xé rách, hiện tại không còn giấy. Ban đầu lấy nhau chung sống hoà thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Đến năm 2017 làm nhà, sau khi làm nhà thì cho anh U đi kiếm tiền trả nợ. Anh U đi khoảng 2 đến 3 năm mới về nhà. Sau đó lại đi tiếp. Khoảng năm 2020, anh U đi làm và có quan hệ với người phụ nữ khác, còn dẫn người đó về nhà và bị tôi bắt được. Từ đó vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra cãi nhau. Trong thời gian đi làm, anh U không kiếm được đồng tiền nào gửi về để giúp chăm sóc con cái và chăm lo cho gia đình. Đến khi tôi nói thì anh U không nói và bỏ nhà đi. Tôi và anh U sống ly thân khoảng 5

3

năm nay. Hai năm đầu từ năm 2017, anh U đi làm và có quay về nhà. Sau đó đi và không về nhà lần nào nữa. Chúng tôi sống ly thân từ đó đến nay. Vì đã ly thân lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Nếu anh U nhất trí chia tài sản chung cho tôi hợp lý thì tôi sẽ đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung. Con lớn tên Phùng Mùi K sinh ngày 03/12/2005, con nhỏ tên Phùng Mùi N1, sinh ngày 19/02/2007. Con lớn hiện tại đang đi làm thuê tại Hà Nội. Con nhỏ hiện tại đang sống cùng tôi. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi cả hai con.

- Về tài sản chung, nợ chung:

Chúng tôi cùng nhau dựng được một ngôi nhà gỗ, dựng vào năm 2016. Chi phí cho việc làm nhà hơn 100 triệu đồng. Việc làm nhà do hai vợ chồng tôi tự làm, thuê và nhờ anh em, bố mẹ hai bên không giúp đỡ, không đóng góp gì trong việc làm ngôi nhà này. Tôi ước tính giá trị ngôi nhà hiện tại khoảng 140 triệu đồng.

Ngoài ra, vợ chồng tôi còn có 06 thửa ruộng trồng được khoảng 7 túi lúa giống. 04 đám rẫy, trong đó: 1 phần trồng được khoảng 6 túi ngô giống, còn lại là trồng hoi.

Sau khi ly hôn, tôi và các con sẽ ở ngôi nhà này. Tôi sẽ có trách nhiệm thanh toán cho anh U $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà là số tiền 70 triệu đồng. Về đất đai, sẽ chia cho anh U một nửa. Tôi sẽ là người lựa chọn lấy đám nào trước, phần còn lại sẽ để cho anh U.

Về khoản nợ chung: chúng tôi có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, Cao Bằng số tiền là 50 triệu đồng.

Tuy nhiên, về phần tài sản chung và nợ chung, ngày 27/5/2025 chúng tôi đã tự thỏa thuận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 phát biểu quan điểm như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: áp dụng các điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 177, 207, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa anh Phùng Chàn U và chị Bàn Mùi P là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao hai cháu Phùng M Khé và Phùng Mùi Nhậ được ở chị P

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh Phùng C1 U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 18 tháng 4 năm 2025 anh Phùng Chàn U nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc, cùng ngày Toà án đã ra thông báo về việc lựa chọn Hoà giải đối thoại tại Toà án, tuy nhiên đương sự không yêu cầu hoà giải đối thoại. Do đó, Tòa án đã thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai, thông báo phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên hòa giải các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Chàn U và chị Bàn Mùi P được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, về chung sống với

5

nhau trên tinh thần tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc, hai bên không chăm lo cũng như quan tâm đến nhau, dẫn đến việc hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hội đồng xét xử nhận thấy việc chung sống như vợ chồng giữa anh Phùng Chàn U và chị Bàn Mùi P đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, cần áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố mối quan hệ giữa anh Phùng Chàn U và chị Bàn Mùi P không phải là vợ chồng.

[3] Về phần con chung: Quá trình chung sống với nhau anh Phùng Chàn U và chị Bàn Mùi P có 02 người con chung là Phùng Mùi Khé sinh ngày 03/12/2005 và Phùng Mùi N1, sinh ngày 19/02/2007. Đến thời điểm thụ lý, giải quyết vụ án, các cháu đã đủ 18 tuổi và có yêu cầu tự quyết định về cuộc sống của mình. Các cháu có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn các cháu sẽ ở cùng mẹ.

[4] Về phần tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai hai con chung, các con đều thừa nhận không được đóng góp công sức vào việc tạo lập tài sản chung của bố mẹ, nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 9; 14; điều 51; điều 53; khoản 1 điều 56; điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 177, 207, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5, điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa anh Phùng Chàn U và chị Bàn Mùi P là vợ chồng.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn Phùng Chàn U phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước (*Xác nhận anh U đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc theo biên lai số: 0003438, ngày 22/4/2025*).

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CB;
- VKS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã Hưng Đạo,
tỉnh Cao Bằng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nông Văn Tôn